

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 25-7-2025

V/v “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Anh

Ông Nguyễn Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị V, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Tổ D, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Tổ D, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hồng S: Bà Ngô Thị V, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Tổ D, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng).

Là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2024*).

2. Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai).

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Ngô Thị V là nguyên đơn và là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng S trình bày:* Bà và bà Nguyễn Thị Thanh T có mối quan quen biết, bà T hỏi bà về việc vay tiền. Do đó, bà có cho bà T vay nhiều lần với tổng số tiền là 103.100.000 đồng. Sau đó, bà có yêu cầu bà T viết giấy để chốt nợ. Ngày 30/04/2019, bà T có ký vào văn bản có nội dung là có mượn của bà số tiền 103.100.000 đồng; lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ không thể hiện trong giấy mượn tiền nhưng hai bên thỏa thuận miệng khi nào bà cần thì báo trước cho bà T thì bà T trả. Mục đích vay để bà T trang trải trong gia đình, có vốn mua bán heo. Tới thời hạn trả lãi, bà nhiều lần liên lạc thì bà T cứ hẹn hết lần này tới lần khác mà không thực hiện đúng thỏa thuận. Việc trì hoãn trả lãi khoản vay của bà T làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Do đó, bà yêu cầu bà T cùng chồng là ông Nguyễn Đ có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà và ông Nguyễn Hồng S số tiền nợ gốc là 103.100.000 đồng và số tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất là 12%/năm như đã thỏa thuận kể từ ngày 30/4/2019 đến thời điểm xét xử vụ án.

Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* Bà và bà V là chị em quen biết, chơi chung, buôn bán ở chợ với nhau. Bà có vay tiền bà V nhiều lần từ lâu, bà không nhớ rõ, đến ngày 30/4/2019 thì bà và bà V chốt lại số tiền bà nợ là 103.100.000 đồng, hai bên thỏa thuận tính lãi 1%/tháng. Giấy tay đề ngày 30/4/2019 là do bà viết. Do bà làm ăn gặp khó khăn nên bà chưa trả được tiền cho bà V. Bà xác nhận còn nợ lại bà V số tiền là 103.100.000 đồng tiền nợ gốc. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V, bà đồng ý trả cho bà V số tiền nợ gốc là 103.100.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi với lãi suất 1%/tháng trên số tiền nợ gốc cho đến ngày giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà chưa có tiền để trả ngay cho bà V, đề nghị bà V chờ bà bán nhà xong, có tiền bà sẽ trả cho bà V. Ông Nguyễn Đ là chồng bà, ông Đ mắc đi làm, không thể đến Tòa án làm việc được. Việc vay nợ giữa bà và bà V thì ông Đ có biết, bà vay tiền để cùng gia đình mua cám, chăn nuôi heo. Ông Đ cũng đồng ý việc trả nợ cho bà V nhưng do gia đình chưa có tiền nên chưa trả được..

** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến nay về cơ bản là đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 91, 96, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà T đã thực hiện đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72, 91, 96, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ không thực hiện đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 73, 91, 96, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị V; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ phải trả cho bà V và ông S số tiền nợ gốc là 103.100.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Ngô Thị V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Đá T1 số tiền vay là 103.100.000 đồng và chịu số tiền lãi tính trên nợ gốc với lãi suất 12%/năm tính từ ngày 30/4/2019 đến khi xét xử xong vụ án. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Người bị kiện bà Nguyễn Thị Thanh T có đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án: Bà V có đơn khởi kiện đối với bà T nên xác định bà V là nguyên đơn; bà T là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện, ngoài việc yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả nợ thì bà V còn yêu cầu ông Đ là chồng bà T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà V; ông S là chồng bà V nên xác định ông S và ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông S có văn bản ủy quyền cho bà V tham gia tố tụng, việc ủy quyền là hợp pháp theo quy định của pháp luật nên bà V là người đại diện hợp pháp của ông S.

[4] Về thủ tục tố tụng:

Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V.

Bà T và ông Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/4/2019, bà T viết tay giấy xác nhận nợ với bà V, các bên không thỏa thuận thời gian trả nợ; ngày 10/9/2024 bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó việc khởi kiện là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 154 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[6.1] Đối với yêu cầu tiền gốc và trách nhiệm trả nợ:

Nguyên đơn bà V khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà V số tiền nợ gốc là 103.100.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà V cung cấp giấy tay đề ngày 30/4/2019 có nội dung “*Tổng cộng ngày 30-4-2019dl T nợ chị V là 63.100.000 đ tính lãi giá 0,1/100 với nợ 40.000.000 chẵn. tổng nợ 103.100.000 một trăm lẻ ba triệu một trăm ngàn chẵn*”; giấy tay có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà V và bị đơn bà T đều thừa nhận số tiền nợ được chốt lại vào ngày 30/4/2019 là 103.100.000 đồng. Bà T cũng đồng ý trả số tiền nợ gốc là 103.100.000 đồng cho bà V.

Tại đơn khởi kiện, bà V khởi kiện yêu cầu bà T cùng chồng là ông Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và số tiền lãi cho bà V và ông S. Bà T cũng thừa nhận bà T vay tiền của bà V để cùng gia đình mua cám, chăn nuôi heo, đồng thời việc bà T vay tiền của bà V ông Đ có biết. Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập ông Đ đến làm việc nhưng ông Đ không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mình không liên quan đến khoản nợ của bà V, bà T sử dụng số tiền trên với vào mục đích riêng, không liên quan nhu cầu thiết yếu, phát triển kinh tế của gia đình. Do đó, xác định bà T và ông Đ nợ bà V số tiền là 103.100.000 đồng.

Trong quá trình vay tiền bà T và ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 280 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên bà V khởi kiện buộc bà T và ông Đ trả nợ gốc là 103.100.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6.2] Đối với yêu cầu lãi suất: Bà V và bà T thống nhất lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Bà T đồng ý trả tiền lãi cho bà V với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 30/4/2019 cho đến khi xét xử xong. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Số tiền lãi được tính từ ngày 30/4/2019 đến ngày xét xử (ngày 25/7/2025) là 06 năm 02 tháng 25 ngày số tiền là: $77.152.333$ đồng $((103.100.000 \text{ đồng} \times 12\% \times 06 \text{ năm}) + (103.100.000 \times 1\% \times 2 \text{ tháng}) + 3.750.000.000 \text{ đồng} \times 1.65\% : 30 \times 28 \text{ ngày}))$.

Như vậy, tổng số tiền bà T và ông Đ phải trả cho bà V và ông S là 180.252.333 đồng; trong đó nợ gốc là 103.100.000 đồng và tiền lãi là 77.152.333 đồng.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà T và ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà V và ông S số tiền 180.252.333 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.012.617 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 468, của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị V về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Đ phải trả cho bà Ngô Thị V và ông Nguyễn Hồng S tổng số tiền là 180.252.333 đồng (*Một trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi hai ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*); trong đó: nợ gốc là 103.100.000 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu một trăm ngàn đồng*); nợ lãi là 77.152.333 đồng (*Bảy mươi bảy triệu một trăm năm mươi hai ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Đ phải nộp 9.012.617 đồng (*Chín triệu không trăm mười hai ngàn sáu trăm mười bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương